KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN

**BÀI 62: SO SÁNH HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù**

- Biết so sánh 2 phân số khác mẫu (bằng cách quy đồng mẫu số hai phân số đó).

- Củng cố về so sánh hai phân số cùng mẫu số.

- Vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học mô hình hóa, giải quyết vấn đề toán học

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với GV và bạn bè để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học tích cực trong giờ học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê.

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: SGK, Phiếu học tập, hình vẽ như SGK, máy tính, máy chiếu, máy soi.

- HS: SGK, 2 băng giấy như SGK Toán 4

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1.Hoạt động khởi động***:(5p)**a, Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú, kết nối vào bài* b, Cách thức tiến hành*- GV tổ chức HS chơi trò chơi: “Ai thông minh hơn”qua câu chuyện Chiếc bánh.**Nhân dịp sinh nhật tròn 9 tuổi, cô giáo đã tặng bạn Bình và An mỗi bạn một chiếc bánh. Sau khi ăn, Bình còn lại 2/3 chiếc bánh; An còn 5/6 chiếc bánh. Các con hãy thảo luận xem phần bánh của bạn nào còn lại nhiều hơn.**\** Cách chơi: Các nhóm cùng thảo luận tìm xem phần bánh còn lại của bạn nào nhiều hơn!GV gợi ý để hs hiểu được muốn biết bạn àno còn nhiều bánh hơn thì chia 2 chiếc bánh có số phần bằng nhau.\*GTB:- GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài: *4/6 là giá trị số của phân số nào; vì sao khi so sánh phân số 2/3 và 5/6 ta lại biến đổi phân số 2/3 thành 4/6. chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay:* ***“So sánh hai phân số khác mẫu số”*** | - TBHT điều hành lớp chơi trò chơi, nhận xét- HS thực hiện theo yêu cầu của GVDự kiến đáp án: Chia chiếc bánh của Bình thành 6 phần bằng nhau và còn lại 4/6 chiếc bánh.So sánh 4/6 chiếc bánh và 5/6 chiếc bánh. Vậy An còn nhiều bánh hơn. |
|  | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** (15p)**\* Mục tiêu:** Biết cách quy đồng mẫu số các phân số.**\* Cách tiến hành:**  |
|  | **HĐ1: Ví dụ: So sánh hai phân số và**  - GV hỏi: Con có nhận xét gì về mẫu số của hai phân số này? - Cho HS so sánh hai phân số và  dựa vào hình ảnh trực quan.- HS lấy hai băng giấy như nhau.+ Chia băng giấy thứ nhất thành 3 phần bằng nhau. Tô màu vào băng giấy.+ Chia băng giấy thứ hai thành 6 phần bằng nhau. Tô màu vào  băng giấy.+ So sánh phần đã tô màu của hai băng giấy.Đặt hai băng giấy vừa tô màu vào cạnh nhau, so sánh xem phần đã tô màu của băng giấy nào dài hơn.- GV thực hiện lại trên bảng lớp.**HĐ2: Cách so sánh hai phân số khác mẫu số** - GV nhận xét các ý kiến của HS, GV tổ chức cho HS so sánh:- Dựa vào hai băng giấy chúng ta đã so sánh được hai phân số  và . Tuy nhiên cách so sánh này mất thời gian và không thuận tiện khi phải so sánh nhiều phân số hoặc phân số có tử số và mẫu số lớn. Chính vì thế để so sánh các phân số khác mẫu số người ta quy đồng mẫu số các phân số để đưa về các phân số cùng mẫu số rồi so sánh.- GV yêu cầu HS quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số  và . - GV chốt: *- Cả 2 cách làm của các bạn đều đúng, đều có kết quả*<*.*Muốn so sánh hai phân số  và ta làm như thế nào ?*- GV chốt* *+* ***ta quy đồng mẫu số của phân số*** **và giữ nguyên phân số** + So sánh hai phân số cùng mẫu số: và \* GV cho HS làm thêm 2 phép tính*Ví dụ: So sánh hai phân số*  và *? Qua những ví dụ trên hãy nêu cách* so sánh hai phân số khác mẫu*. (rút ra quy tắc)*\* Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào? Chốt quy tắc trên máy – hs đọc | - Mẫu số của hai phân số khác nhau.- HĐ cá nhân.-  băng giấy.- băng giấy.- Băng giấy thứ hai được tô màu nhiều hơn.- băng giấy ngắn hơn  băng giấy.Hay  băng giấy dài hơn băng giấy.- Ta có: <; >- HS nghe giảng.- HS thực hiện:+ Quy đồng mẫu số hai phân số  và  =  = ; và giữ nguyên phân số + So sánh hai phân số cùng mẫu số: và - < (vì 4<5)+ Kết luận: <- Thảo luận nhóm 2.+ Quy đồng mẫu số hai phân số  và  =  = ; và giữ nguyên phân số + So sánh hai phân số cùng mẫu số: và - <  (vì 4 < 7)+ Kết luận: < - HS trả lời*+ Muốn so sáh hai phân số khác mẫu số, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh hai phân số mới có cùng mẫu số.*Nhiều HS nhắc lại |
|  | **3. HĐ luyện tập, thực hành***:(18 p)***\* Mục tiêu:** Giải được bài toán so sánh hai phân số khác mẫu**\* Cách tiến hành:**  |
|  | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành bài 1: Quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số***a)  và \*GV: Bài 1 các con đã biết vận dụng kiến thức vừa học để làm bài, c/ ta cùng tiếp tục vận dụng kiến thức vừa học để làm bài 2***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành bài 2******- HS làm cá nhân vào vở - Sau đó chữa bài dưới hình thức trò chơi “Ai nhanh ai đúng”***- GV chốt đáp án đúng, yêu cầu hs nêu lại cách làm của 1 số phép tính.***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành bài 3: Viết các phân số theo thứ tự từ lớn đến bé***- Cả lớp làm bài vào vở.- Chữa bài: Soi bài của 2 HS nhận xét đúng sai và cách trình bày.- Nhận xét gì về các phân số trên?- Muốn sắp xếp các phân số chính xác ta làm như thế nào?GV chốt lại cách làm như trên.***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành bài 4*****Đọc yêu cầu** BT cho gì, hỏi gì?Cô cho cả lớp thảo luận và thực hiện nhóm 6 nào.Chữa bài: Mời nhóm C lên thực hành.**4. HĐ vận dụng, trải nghiệm (3p)**- Chúng ta cùng vận dụng kiến thức vừa học vào trong cuộc sống nhé.- GV tổ chức cho HS đọc đề bài và quan sát nhóm bàn và trả lời.\* Củng cố, Dặn dò- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- Ôn tập kiến thức đã học- Đọc và chuẩn bị trước tiết sau*: Bài 63: Luyện tập* | - HS làm cá nhân vào vở - Lớpa)  và =  =  ; và giữ nguyên phân số Ta có  >  nên  >  b)  và =  = Ta có  >  nên >a)  và  =  = ; Ta có  <  nên <b)  và =  = ; Ta có  >  nên >- HS thực hiện.Đáp án: a. Ta có: $\frac{2}{3}= \frac{2x7}{3x7}= \frac{14}{21}; \frac{3}{7}= \frac{3x3}{7x3}= \frac{9}{21}$Vì $\frac{16}{21}> \frac{14}{21}> \frac{9}{21}$ nên các PS theo TT từ lớn đến bé là: $\frac{16}{21}; \frac{2}{3}; \frac{3}{7}$b. Ta có: $\frac{2}{9}= \frac{2x3}{9x3}= \frac{6}{27} ; \frac{1}{3}= \frac{1x9}{3x9}= \frac{9}{27}$Vì $\frac{9}{27}> \frac{6}{27}> \frac{4}{27}$ nên các PS theo TT từ lớn đến bé là: $\frac{1}{3}; \frac{2}{9}; \frac{4}{27}$c. Ta có: $\frac{3}{4}= \frac{3x7}{4x7}= \frac{21}{28} $; $\frac{2}{7}= \frac{2x4}{7x4}= \frac{8}{28}$Vì $\frac{21}{28}> \frac{11}{28}> \frac{8}{28}$ nên các PS theo TT từ lớn đến bé là: $\frac{3}{4}; \frac{11}{28}; \frac{2}{7}$- Các phân số khác mẫu số.- HS trả lời:+ Quy đồng mẫu số các phân số.+ So sánh các phân số có cùng mẫu số+ Sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.=  = Ta có  > Vậy thanh gỗ  được lấy nhiều hơn - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm bàn và đưa ra câu trả lời.- 1 nhóm trình bày kết quả: Phần bánh còn lại của hai bạn bằng nhau, vì chiếc bánh chia thành 4 phần bằng nhau, mỗi bạn đã ăn hết 3/4 chiếc bánh. Như vậy mỗi bạn còn lại 1/4 chiếc bánh. |

## **KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4**

**BÀI 63: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Biết so sánh 2 phân số khác mẫu (bằng cách quy đồng mẫu số hai phân số đó).

- Củng cố về so sánh hai phân số cùng mẫu số.

- Vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học mô hình hóa, giải quyết vấn đề toán học

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với GV và bạn bè để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học tích cực trong giờ học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**2.1. Đối với giáo viên**

Bảng phụ, thẻ ghi phân số

**2.2. Đối với học sinh**

Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV (bút, thước, tẩy, bảng con…)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
|  | **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.**b. Cách thức tiến hành:**- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Tung bóng?"+ GV: Chiếu lần lượt từng phép so sánh lên máy. Gọi HS trả lời bằng cách tung quả bóng vào tay ai người đó được quyền trả lời. Trả lời xong, HS cả lớp nhận xét đúng/sai, khen bạn bằng tràng vỗ tay. Sau đó HS tung quả bóng lại cho GV. Các lượt chơi tiếp theo lần lượt như vậyVD: $\frac{3}{8}$….$\frac{3}{8}$(GV cũng có thể cho HS thay nhau đố cả lớp hoặc chơi theo nhóm đôi – hai em đố nhau).- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong bài học ngày hôm nay, cô trò mình cùng ôn tập lại về so sánh 2 phân số qua bài "Luyện tập".*- GV ghi bảng tên bài**B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP****a. Mục tiêu**- HS thực hiện so sánh được 2 phân số cùng mẫu, khác mẫu- Ôn tập, củng cố kiến thức về so sánh phân số với 1.- Củng cố kiến thức về sắp xếp các phân số theo thứ tự, vị trí các phân số trên tia số.- Vận dụng để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán thực tế.- HS nhớ và nhận biết được một số thức ăn chế biến từ đâu xanh, đậu tương có lợi cho sức khỏe.**b. Cách thức tiến hành***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1*- GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu để.- Y.c làm bài cá nhân vào vở.- GV chữa bài qua trò chơi **"Ai nhanh, ai đúng" hình thức chơi tiếp sức** (GV gọi 2 đội, mỗi đội 4 bạn đại diện tổ 1, 2 lên chơi, tổ 3, 4 làm trọng tài. Đội nào làm đúng và nhanh nhất đội đó là đội chiến thắng).Khai thác: GV gọi bất kì 1 HS nào dưới lớp- GV chỉ vào câu b và hỏi: Em đã so sánh 2 phân số này như thế nào?- GV chỉ câu c và hỏi: Làm thế nào để điền được dấu < vào đây?*- GV nhận xét và chốt: Muốn so sánh 2 phân số ngoài cách quy đồng MS các PS để đưa 2 PS về cùng MS rồi so sánh TS với TS chúng ta còn có thể so sánh 2 PS với 1, PS nào có TS > MS thì PS đó >1, PS nào có TS = MS thì PS đó =1, PS nào có TS<MS thì PS đó <1. Để củng cố kiến thức này cô trò chúng ta chuyển sang BT2, BT3.****Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***- Gọi 1HS đọc các yêu cầu- HS thực hiện cá nhân vào vở.- GV gọi 3 HS trình bày bảng lớp.- Chữa bài: Y.c HS nhận xét, GV nhận xét tuyên dương. - Khai thác: GV chỉ vào phần b và hỏi: Em hãy nêu cách thực hiện quy đồng MS và SS 2 PS này.Đối với phần b, nếu bài không yêu cầu quy đồng rồi mới so sánh, em có cách so sánh nào khác không?- GV tuyên dương HS. Y.c HS đổi chéo vở chấm đ.s cho nhau bằng bút chì.- GV chốt chuyển BT3: Ở BT2 các em đã vận dụng rất tốt kiến thức quy đồng mẫu số để SS 2 phân số khác mẫu. Ỏ BT3 chũng ta sẽ được củng cố sâu hơn về cách so sánh PS với 1.***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***- Y.c HS đọc đề bài- Y.c HS thảo luận nhóm bàn làm bài vào vở.- Chữa bài: phần a GV cho HS chơi trò chơi đố bạn (*1 HS nêu 1 phép so sánh bất kì trong BT3, HS khác trả lời, nếu trả lời đúng có quyền đố bạn khác câu khác trong bài tập cho đến hết bài. HS còn lại và cô giáo làm trọng tài đồng thời trên màn hình GV chiếu bài và có đáp án đúng lên bản*- Khai thác: + GV chỉ $\frac{5}{9}<1$ và hỏi: Tại sao con điền dấu < ở đây? + GV chỉ $\frac{9}{2}>\frac{3}{4}$ và hỏi: Con đã làm thế nào để điền được dấu > vào đây?? dưới lớp những bạn nào làm đúng?- GV nhận xét và chốt: Để SS 1 PS với 1 chúng ta quan sát nếu PS nào có TS>MS thì PS đó >1, PS nào có TS<MS thì PS đó <1.- Phân b GV soi bài, y.c HS nhận xét, GV nhận xét chấm đ/s vào vở- ? Muốn viết các PS theo thứ tự từ bé đến lớn ta làm thế nào?- GV nhận xét, chuyển: Ở BT3 các em đã được củng cố cách so sánh PS với 1, cách viết PS theo thứ tự từ bé đến lớn. Chúng ta sẽ vận dụng phần kiến thức này để hoàn thành BT4 nhé.***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***- Y.c HS đọc đề bài- Y.c HS thảo luận nhóm 4 làm bài vào vở- Chữa bài: 1 nhóm làm bảng phụ đính lên bảng lớp, đại diện nhóm lên chia sẻ trước lớp.- Khai thác: y.c HS dưới lớp đặt câu hỏi chia sẻ với bạn.- GV nhận xét và chốt: Trên tia số: Số bên trái bé hơn số bên phải.***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***- GV cho HS đọc và xác định yêu cầu, xác định các việc cần làm.- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.- GV mời 1 HS lên bảng trình bày kết quả.- GV chấm vở 4 HS nhanh nhất.- Sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói cách làm.- GV cho lớp chữa bài và rút kinh nghiệm.- Khai thác: Muốn biết trong 2 bạn Linh và Khôi ai đọc nhiều trang sách hơn em làm thế nào?- Vì sao em biết Linh đọc được nhiều sách nhất?- GV nhận xét, chốt đáp án đúng và chuyển: Các em đã vận dụng rất tốt kiến thức so sánh PS để làm bài toán có lời văn. Chúng ta tiếp tục vận dụng phần kiến thức này để hoàn thành BT6**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM****a. Mục tiêu**- Củng cố, vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán thực tế liên quan đến thực hiện so sánh các phân số.**b. Cách tiến hành**- GV cho xác định yêu cầu bài toán: "Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?"- GV cho lớp hoạt động theo nhóm 4 hoàn thành bài tập vào bảng nhóm.- 2 nhóm nhanh nhất đính kết quả lên bảng lớp.- GV chữa bài, rút kinh nghiệm cho lớp.- Qua bài 7 giúp em biết thêm điều gì?- Em hãy kể tên một số món ăn chế biến từ đậu xanh hoặc đậu tương có lợi cho sức khỏe? - GV nhận xét**\* CỦNG CỐ**- Qua bài học hôm nay các em biết được điều gì.- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.**\* DẶN DÒ**- Ôn tập kiến thức đã học*.*- Hoàn thành bài tập trong SBT.- Đọc và chuẩn bị trước Bài 64 – Luyện tập chung | - Cả lớp quan sát, chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.+ HS: nói to kết quảVD: $\frac{3}{8}=\frac{3}{8}$- HS lắng nghe.- HS ghi tên bài vao vở.- HS chú ý nghe và hình dung bài học.- HS giơ tay đọc đề, suy nghĩ và phát biểu.- HS thực hoàn thành bài tập.- HS 2 đội lên chơi, hs dưới lớp cổ vũ và nhận xét.Đáp án:$a) \frac{5}{ 9}<\frac{7}{9}$ b) $\frac{7}{6}>\frac{6}{6}$ c) $\frac{3}{14}<\frac{4}{7}$ d) $\frac{5}{4}<\frac{9}{8}$ - HS1: Đây là 2 PS cùng mẫu ta so sánh TS với TS. Ta thấy 7 > 6 nên $\frac{7}{6}>\frac{6}{6}$ - HS2: $\frac{7}{6} là phân số>1, còn \frac{6}{6} là PS=1 nên $ $\frac{7}{6}>\frac{6}{6}$ - Đây là 2 PS khác mẫu, để so sánh được ta phải quy đồng mẫu số để đưa về phân số cùng mẫu rồi thực hiện so sánh.- HS lắng nghe.- HS thực hiện.Đáp án: $a) \frac{2}{ 5}và\frac{3}{10}$$\frac{2}{5}$ = $\frac{2x2}{5x2}=\frac{4}{10}$ => $\frac{2}{ 5}>\frac{3}{10}$b) $\frac{7}{ 12}và\frac{6}{5}$$\frac{7}{12}$ = $\frac{7x5}{12x5}=\frac{35}{60}$ $\frac{6}{5}$ = $\frac{6x12}{5x12}=\frac{72}{60}$ . Ta thấy $\frac{35}{ 60}<\frac{72}{60}$=> $\frac{7}{ 12}<\frac{6}{5}$c) $\frac{3}{ 4}và\frac{1}{2}$ làm tương tự a, b- HS trả lời.- HS trả lời: Em so sánh với 1. Em thấy PS $\frac{7}{ 12}<1 còn PS \frac{6}{5}>1 nên em KL \frac{7}{ 12}<\frac{6}{5}$- HS tự thực hiện  - HS lắng nghe.- 1 HS đọc đề.- HS thực hiện.- HS chơi.Đáp án:$\frac{5}{9}<1$ $\frac{8}{7}>1$ $\frac{9}{9}=1$ $\frac{9}{2}>\frac{3}{4}$ - Vì PS $\frac{5}{9} $ vì PS này $có TS<MS nên PS đó<1$- So sánh 2 PS với 1 ta thấy PS $\frac{9}{2}$ có TS > MS nên PS $\frac{9}{2}>1$ còn PS $\frac{3}{4}$ có TS < MS nên PS $\frac{3}{4}<1.$- HS giơ tay- HS đối chiếu kết quả với bạn đổi vở chấm đ/s vào vở- Ta thực hiện so sánh các PS, PS nào bé hơn thì viết trước, PS nào lớn hơn thì viết sau- HS chú ý lắng nghe - 1HS đọc đề bài- HS thực hiện- HS lên chia sẻ trước lớp- HS thực hiệnDự kiến: 1. Các phân số đã cho có gì giống nhau?2. Bạn đã làm thế nào để điền được các phân số vào tia số?3. Bạn dựa vào đâu để biết phân số nào <1 và PS nào >1?......- HS trả lời các câu hỏi chia sẻ của bạn.- HS chú ý nghe và tiếp thu.- HS giơ tay đọc đề và trao đổi.- Lớp hoàn thành bài tập theo yêu cầu và dưới sự điều hành của GV.Đáp án:Ta có: $\frac{3}{4 } $= $\frac{3x2}{4x2}= \frac{6}{8}$ ; $\frac{1}{2}=\frac{1x4}{2x4}$ = $\frac{4}{8}$a. Vì $\frac{6}{8}> \frac{5}{8 } $nên $\frac{3}{4}>\frac{5}{8}$. Vậy trong 2 bạn Linh và Khôi, Linh đọc được nhiều trang sách hơn.b. Vì $\frac{6}{8}> \frac{5}{8}> \frac{4}{8}$ nên $\frac{3}{4}>\frac{5}{8}>$ $\frac{1}{2}$. Vậy trong ba bạn, bạn Linh đọc được nhiều trang sách nhất.- So sánh số sách Linh và Khôi đã đọc được bằng cách quy đồng 2 PS $\frac{3}{4} và \frac{5}{8}$  - Vì PS chỉ số sách Linh đọc là PS lớn nhất…Lớp chú ý lắng - HS giơ tay đọc, xác định yêu cầu đề.- HS nêu yêu cầu của bài toán và trình bày cách làm.- HS trao đổi, tranh luận và thống nhất đáp án thực hiện hoàn thành bài vào bảng nhóm.- Đáp án: Ta có $\frac{1}{4}= \frac{1x2}{4x2}= \frac{2}{8}$mà $\frac{2}{8}< \frac{3}{8} $nên $\frac{1}{4 }< \frac{3}{8}$ Vậy hàm lượng protein trong 100g đậu xanh ít hơn hàm lượng protein trong 100g đậu tương.- HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.- Em biết được một số thức ăn khi chế biến từ đậu xanh và đậu tương thường có lợi cho sức khỏe.- Em biết được hàm lượng protein trong 100g đậu xanh ít hơn hàm lượng protein trong 100g đậu tương.- Chè đậu xanh giúp giải khát, thanh mát mùa hè.- Bánh đậu xanh giúp giảm béo…, giá cây đậu xanh giúp ngăn ngừa ung thư, tốt cho da và hệ tiêu hóa- Sữa đậu nành làm từ hạt đậu tương giúp giải khát- Đậu phụ làm thức ăn - Tương…..- HS trả lời.- HS thực hiện |

## **KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4**

**BÀI 63: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Biết so sánh 2 phân số khác mẫu (bằng cách quy đồng mẫu số hai phân số đó).

- Củng cố về so sánh hai phân số cùng mẫu số.

- Vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học mô hình hóa, giải quyết vấn đề toán học

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với GV và bạn bè để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học tích cực trong giờ học.

Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**2.1. Đối với giáo viên**

Bảng phụ

**2.2. Đối với học sinh**

Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV (bút, thước, tẩy, bảng con…)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
|  | **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.**b. Cách thức tiến hành**- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Rung chuông vàng?"+ GV: Chiếu lần lượt từng cầu trên máy. Y.c HS trả lời bằng cách viết vào bảng con. Bạn nào có đáp án đúng với đáp án của GV thì tiếp tục tham gia chơi, bạn nào chơi đến cuối là người chiến thắng.VD: 3:8 viết là …- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong bài học trước chúng ta đã dc củng cố về so sánh phân số, bài học hôm nay, cô trò mình cùng tiếp tục ôn tập lại về phân số, so sánh 2 phân số qua bài "Luyện tập chung".*- GV ghi bảng tên bài**B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP****a. Mục tiêu**- HS thực hiện viết phân số, so sánh được 2 phân số cùng mẫu, khác mẫu- Củng cố kiến thức về sắp xếp các phân số theo thứ tự.- Vận dụng để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán thực tế.**b. Cách thức tiến hành***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1*- GV GV chiếu BT1, yêu cầu HS đọc- Y.c làm bài cá nhân vào vở.- GV chữa bài qua trò chơi **"Đố bạn”** (GV gọi 1 HS chọn bất kì 1 hình và đố bạn số phần tô màu của hình, bạn trả lời đúng sẽ dc tiếp tục đố bạn khác, các lượt chơi cứ tiếp tục như vậy. Mỗi câu trả lời đúng cả lớp nhận xét và thưởng bạn 1 tràng pháo tay).Khai thác: GV gọi bất kì 1 HS nào dưới lớp- GV chỉ vào hình 5 và hỏi: Em làm thế nào để biết phân số chỉ phần tô màu là $\frac{6}{15}$ ?- Có thể viết gọn PS $\frac{6}{15}$ bằng PS nào?*- GV nhận xét*- Dưới lớp những ai làm đúng?*- Chuyển: Vừa rồi các em đã làm rất tốt phần nêu phân số chỉ số phần tô màu của 1 hình. Để củng cố kiến thức viết PS cô trò chúng ta chuyển sang BT2.****Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***- Gọi 1HS đọc các yêu cầu- Y.c HS thảo luận nhóm đôi theo gợi ý rồi làm bài vào vở. a. Phân tích mẫu: + TS là số nào trong phép chia?+ MS là số nào trong phép chia?b. GV lưu ý HS những số như thế nào có MS là 1?- GV gọi 2 HS trình bày bảng lớp (mỗi bạn 1 phần)- Chữa bài: Y.c HS nhận xét, GV nhận xét tuyên dương. - Khai thác: GV chỉ vào 1 phép chia phần a và hỏi: Em hãy nêu cách viết thương của phép chia này dưới dạng phân số?Đối với phần b, GV hỏi: Để viết 1 số tự nhiên dưới dạng PS em làm thế nào?- GV tuyên dương HS. Y.c HS đổi chéo vở chấm đ.s cho nhau bằng bút chì.- GV chốt chuyển BT3: Khi viết thương của một phép chia dưới dạng PS, ta viết số bị chia ở TS mà số chia ở MS.***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***- Y.c HS đọc đề bài- Y.c HS thảo luận nhóm bàn làm bài vào vở.- Chữa bài: GV đính bài in màu trên bảng, gọi 3 HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét, GV nhận xét chốt đáp án đúng- Khai thác: + GV chỉ $\frac{2}{3}=\frac{4}{6} $ và hỏi: Tại sao con điền $\frac{4}{6} $ ở đây? + Tại sao con biết $\frac{2}{3}=\frac{4}{6}?$+ Em có nhận xét gì về cặp PS bằng nhau này?? dưới lớp những bạn nào làm đúng?- GV nhận xét và chốt: Để làm tốt dạng bài này, các em chú ý nhìn trong cùng 1 cặp hình để điền đúng và chú ý tính chất của PS.***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4*****-** Y.c HS đọc đề bài.- Y.c HS làm bài cá nhân vào vở.- Chữa bài: GV soi bài 1 HS. Cho HS lên chia sẻ.- Y.c HS khác nhận xét- GV nhận xét và chốt đáp án đúng. - GV kiểm tra đồng loạt.- GV chốt: Để làm tốt bài này các em lưu ý đặc điểm của PS tối giản, chưa tối giản.***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***- Y.c HS đọc đề bài- Y.c HS làm bài cá nhân vào vở- Chữa bài: Gọi 3 HS lên bảng làm bài.- HS nhận xét.- GV nhận xét và chốt đáp án đúng.- Khai thác: + Em có nhận xét gì về mẫu số của các cặp PS này?+ GV chỉ $\frac{8}{5}$ và hỏi: Em làm thế nào để quy đồng MS PS này?- GV chốt: Để quy đồng MS 2 PS trong TH MS chung là 1 trong 2 MS của 2 PS ta làm như sau:+ Xác định MSC, tìm thương của MSC và MS của PS kia.+ Lấy thương tìm được nhân với TS và MS của PS kia. Giữ nguyên PS có MS là PS chung.***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***- Y.c HS đọc đề bài- Y. c HS thảo luận nhóm đôi làm bài vào vở.- Chữa bài:+ Phần a GV chữa bài qua trò chơi “Ai đúng ai nhanh”, hình thức chơi Tiếp sức. GV gọi 2 đội mỗi đội 4 bạn lên chơi, mỗi bạn điền 1 phép so sánh, đội nào đúng và nhanh nhất là đội chiến thắng.+ Phần b: Gọi 1 HS lên bảng làm bài+ HS nhận xét.+ GV nhận xét chốt đáp án đúng.- GV kiểm tra đồng loạt.- Khai thác:+ GV chỉ 2 = $\frac{6}{3}$ và hỏi: Tại sao em điền dấu = ở đây?+ GV chỉ $\frac{12}{20}< \frac{4}{5}$ và hỏi: Em đã làm thế nào để điền được dấu < ở đây?+ Phần b ngoài cách thực hiện quy đồng MS rồi sắp xếp còn cách nào khác không?- GV chốt, chuyển BT7**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM****a. Mục tiêu**- Củng cố, vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán thực tế liên quan đến phân số.**b. Cách tiến hành**- GV cho HS đọc và xác định yêu cầu, xác định các việc cần làm.- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân.- Chữa bài: GV chiếu nội dung BT, mời 1 HS chọn đáp án.- Khai thác: + GV chỉ hình 3 và hỏi: Tại sao con biết hình 3 đã được che $\frac{3}{4}$ cửa sổ?+ Hình nào có số phần cửa sổ được che nhiều nhất? Vì sao em biết?- GV nhận xét**\* CỦNG CỐ**- Qua bài học hôm nay các em biết được điều gì.- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.**\* DẶN DÒ**- Ôn tập kiến thức đã học*.*- Hoàn thành bài tập trong SBT.- Đọc và chuẩn bị trước Bài 65 – Hình bình hành. | - Cả lớp quan sát, chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.- HS: viết kết quả vào bảng con $\frac{3}{8}$- HS lắng nghe.- HS ghi tên bài vao vở.- HS chú ý nghe và hình dung bài học.- 1 HS đọc đề.- HS thực hoàn thành bài tập.- HS chơi.Đáp án:$hình 1: \frac{2}{ 3}$ hình 2: $\frac{5}{8}$ hình 3: $\frac{3}{5}$ $hình 4: \frac{5}{9}$ hình 5: $\frac{6}{15}$ hình 6: $\frac{6}{8}$ - HS1: Đếm xem hình được chia làm bao nhiêu phần là MS và số phần tô màu là mấy phần chính là TS- HS2: $\frac{2}{3}$- HS quan sát lắng nghe.- HS giơ tay, đổi chéo vở chấm đ/s.- HS lắng nghe.- HS thực hiện.- TS là số bị chia- MS là số chia.- HS thực hiệnĐáp án: a. 3: 8 = $\frac{3}{ 8}$ ; 8:9 = $\frac{8}{ 9}$;  4:7 = $\frac{4}{ 7}$; 12:5 = $\frac{12}{ 5}$b. 7 = $\frac{7}{ 1}$; 9 = $\frac{9}{ 1}$; 21 = $\frac{21}{ 1}$; 40 = $\frac{40}{ 1}$- HS trả lời: Khi viết thương của phép chia này em viết TS chính là số bị chia, MS chính là số chia.- Số tự nhiên viết trên TS, MS là 1 - HS thực hiện.- 1 HS đọc đề.- HS thực hiện.- HS chơi.Đáp án:$\frac{2}{3}=\frac{4}{6} $ $\frac{2}{3}=\frac{6}{9} $ $\frac{3}{4}=\frac{6}{8} $ - Con nhìn cặp hình 1: hình 2 được chia làm 6 phần bằng nhau, số phần tô màu là 4 nên PS biểu diễn phần tô màu là $\frac{4}{6}.$- Vì 2 PS này biểu diễn số phần tô màu của mỗi hình mà phần tô màu ở hình thứ 2 bằng phần tô màu hình thứ nhất- HS trả lời.- HS giờ tay, đổi chéo vở chấm đ/s- Đáp án: a. PS tối giản là: $\frac{1}{4}; \frac{6}{5}; \frac{16}{9}$b. Rút gọn PS chưa tối giản: $\frac{4}{10}=\frac{4:2}{10:2}=\frac{2}{5}$ $ \frac{10}{20}=\frac{10:10}{20:10}=\frac{1}{2} $$$\frac{8}{18}=\frac{8 :2}{18 :2}=\frac{4}{9}$$- HS khác đặt câu hỏi chia sẻ:+ Tại sao PS $\frac{1}{4}$ là PS tối giản?+ Tại sao bạn biết $\frac{4}{10}; \frac{10}{20}$; $\frac{8}{18}$ là các PS chưa tối giản?+ Để rút gọn các PS chưa tối giản bạn làm thế nào?- HS nhận xét.- HS lắng nghe.- HS giơ tay, đổi chéo vở chấm đ/s.- 1 HS đọc đề.- HS thực hiện.- Đáp án:a. MS chung 10. Giữ nguyên PS $\frac{3}{10}$$$\frac{8}{5}=\frac{8x2}{5x2}= \frac{16}{10}$$b. MS chung 6. Giữ nguyên PS $\frac{7}{6}$$$\frac{4}{3}=\frac{4x2}{3x2}= \frac{8}{6}$$c. MS chung 64. Giữ nguyên PS $\frac{5}{64}$$$\frac{3}{8}=\frac{3x8}{8x8}= \frac{24}{64}$$- HS trả lời.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- 1HS đọc đề- HS thực hiện.- Đáp án:a. $\frac{5}{6}<$ $\frac{7}{6} ;$ 2 = $\frac{6}{3} ;$ $\frac{3}{7} > \frac{2}{7}$ ; $\frac{12}{20}< \frac{4}{5}$b. $\frac{1}{13}=\frac{1x3}{13x3}=\frac{3}{39}$; $\frac{25}{13}=\frac{25x3}{13x3}=\frac{75}{39}$;=> Thứ tự từ bé đến lớn là: $\frac{1}{13};\frac{4}{13}; \frac{25}{13}$Tương tự: $\frac{2}{8}; \frac{9}{16}; \frac{7}{4}$- HS giơ tay, đổi chéo vở chấm đ/s.- HS trả lời.- HS trả lời.- Rút gọn các PH- HS trả lời.- Hình 4 có số phần cửa sổ được che nhiều nhất vì phần cửa sổ che quá $\frac{3}{4}$ cửa sổHS chú ý lắng nghe - HS trả lời.- HS thực hiện |